

Date:// 2020

Name:.....

Class:2/.....

Review for the Second Graders

Tiny Talk 1B(Unit 1- 6)

Unit 1: Weather

Task 1: Look and write

1.It's

I'm.....



2.It's

I'm.....



3.It's

I'm.....



Task 2: Arrange:

1. up!/ Hurry/raining/ It's/

.....

2. sunny./ It/ is/

.....

3. Hurry/snowing/ It's/ up!/

.....

4. am/ I/ cold./

.....

5. It/ raining./'s/

.....

6. wet./'m/ I

.....

Unit 2: Lunch time

Task 1: Look and write

1. I'm hungry

Have some

Mmm.It's good.



2. I'm.....

Have some

Mmm. It's.....



3. I'm.....

Have some

Mmm. It's.....



Task 2: Put the words into the correct order to make sentence: Sắp xếp từ và viết thành câu.

1. am/ I/ hungry.

.....

2. some/ chicken./Have/

.....

3. Mmm./ good./ It's/

.....

4. hungry/'m/I/

.....

5. some/ soup./ Have/

.....

Task 3: Unscramble and write:

1. kcihecn



2. nosdole



3. uspo



Unit 3: Nap time

Task 1: Look and write

1. That's my.....

No. It's my

Shhh. Be.....!

1



2. That's my.....

No. It's my

Shhh. Be.....!

2



3. That's my.....

No. It's my

Shhh. Be.....!

3



Task 2: Put the words into the correct order to make sentence: Sắp xếp từ và viết thành câu.

1. That/my/'s/ bear./

.....




2. It's/ No!/bear./ my/

.....

3. Be/quiet!/Shh!/
.....

4. my/ It/ is/ book./
.....

Task 3: Unscramble and write:

		
ebar ->	kblaten ->	iloplw ->

Unit 4: In town

Task 1. Look and write:

..... light. Stop!
 light. Go!



.She's a.....



.....'s a.....



He's a.....



.....'s a.....



.....'s a.....



.....'s a.....

Task 2: Complete:


- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| 1. Red li.....St....! | 4. Green li.....G....! |
| 2. She's a do..... | 5. He's a po.....of..... |
| 3. He's a fa..... | 6. She's a fa..... |


Task 3: Translate into English. Viết sang tiếng Anh


- | | |
|----------------------------|----------|
| 1. Cô ấy là một bác sĩ. | => |
| 2. Đèn đỏ. Dừng lại. | => |
| 3. Chú ấy là một nông dân. | => |
| 4. Đèn xanh. Đi. | => |

Unit 5: Shopping

Task 1: Write the words:

1.  I want
No, Benny. Not

2.  I want
No, Benny. Not

3.  I want
No, Benny. Not

Task 2: Translate into English. Viết sang tiếng Anh

1. Con muốn ăn kem. =>
2. Con muốn ăn kẹo. =>
3. Con muốn ăn khoai tây. =>
4. Không, Benny. Không phải hôm nay. =>

Task 3: Put the words into the correct order to make sentence: Sắp xếp từ và viết thành câu.

1. want/ I/ chips./ =>
2. No,/ Not/ Rosy./ today./ =>
3. cookies/ I/ want/ =>
4. Not/ No., / today./ =>
5. chicken / want/ I/ =>
6. Not/ No, / today./ Nam/ =>

Unit 6 : Play time

Task 1: Look and write:



Play me

Ok. Let's



Play

Ok. Let's.....



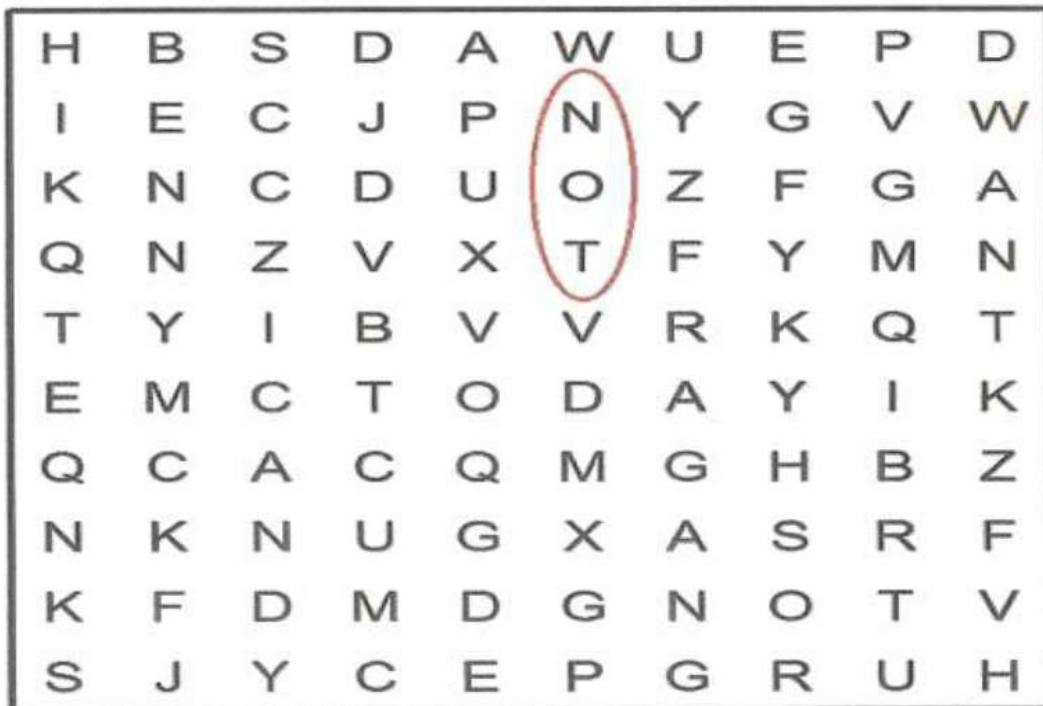
Play

Ok. Let's

Task 2 : Translate into English. Dịch sang tiếng Anh.

1. Chơi cùng với mình. =>
2. Đuợc. Cùng chơi xích đu nào. =>
3. Đuợc. Cùng chơi chạy nào. =>
4. Đuợc. Cùng chơi cầu trượt. =>

Task 3 : Find and circle the words.



I
want
candy
no
Benny
~~not~~
today